Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De Ward.,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

AIP SUP
35/25
Có hiệu lực từ
Effective from
27 NOV 2025
Được xuất bản vào
Published on
30 OCT 2025

SỬA ĐỔI PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC TUYẾN LĂN TIÊU CHUẨN TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI (VVNB)

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về việc sửa đổi phương thức khai thác tuyến lăn tiêu chuẩn (STR) tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (VVNB).

(Thay thế AIP Việt Nam, VVNB AD 2.20 mục 2.5, các trang từ AD 2-VVNB-1-63 đến 68).

Ghi chú: **Các nội dung điều chỉnh được in đậm**.

2 CHI TIẾT

2.1 Phạm vi và đối tượng áp dụng

2.1.1 Phạm vi

STR được áp dụng trong khu vực sân đỗ và các đường lăn tại Cảng HKQT Nội Bài.

2.1.2 Đối tượng áp dụng

– KSVKL TWR/GCU thuộc Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận-tại sân Nội Bài.

– Tổ lái của các hãng hàng không có hoạt động khai thác tại Cảng HKQT Nội Bài (ngoại trừ tổ lái của các chuyến bay sử dụng xe dẫn của Cảng HKQT Nội Bài).

– **Chỉ áp dụng tuyến lăn tiêu chuẩn cho tàu bay Code E và tương đương trở xuống.**

2.2 Nguyên tắc xây dựng STR

– STR tuân thủ Quy định về phương thức kéo đẩy, vận hành tàu bay và các hạn chế trong hoạt động khai thác tại Cảng HKQT Nội Bài.

– STR được thiết lập và mã hóa cho các lộ trình lăn phức tạp qua nhiều đường lăn khác nhau (gồm từ 3 đường lăn trở lên).

– STR được xây dựng cho các đường lăn sử dụng chủ yếu, thông dụng nhất tại Cảng HKQT Nội Bài. Các tuyến lăn khác được thống nhất là các tuyến lăn không tiêu chuẩn và được sử dụng trong các tình huống không áp dụng được các tuyến lăn tiêu chuẩn.

2.2.1 Mã hóa khu vực sân đỗ và đường cất hạ cánh

• Căn cứ thực tế khai thác của sân bay, khu vực sân đỗ được phân chia và đánh số thứ tự 1, 2. Cụ thể như sau:

REVISION OF STANDARD TAXI ROUTES (STR) OPERATIONAL PROCEDURES AT NOI BAI INTERNATIONAL AIRPORT (VVNB)

1 INTRODUCTION

This AIP Supplement aims to notify the revision of standard taxi routes (STR) operational procedures at Noi Bai International Airport (VVNB).

Replace Viet Nam AIP, VVNB AD 2.20 Item 2.5, pages from AD 2-VVNB-1-63 to 68).

Note: **The adjusted contents are bold**.

2 DETAILS

2.1 Scope and subject of application

2.1.1 Scope

STR are applied in the PRKG area and TWY of Noi Bai International Airport.

2.1.2 Subjects of application

– TWR/GCU controllers of Noi Bai APP/TWR control center.

– Pilots of Airlines operate at Noi Bai International Airport (except for pilots of flights that use follow-me car of Noi Bai International Airport).

– **STR is only applicable for aircraft Code E or equivalent and below.**

2.2 Principles of STR establishment

– STR are in compliance with the Regulations on pushback procedures, aircraft operations and operational restrictions at Noi Bai International Airport.

– STR are established and encoded for complex taxi routes through many different TWYs (including 3 or more TWYs).

– STR are established for the most common and principal TWYs in use at Noi Bai International Airport. The other taxi routes are considered as non-standard taxi routes and are used in situations where the standard taxi routes are not applicable.

2.2.1 Encoding the parking zones and RWYs

• Based on the practical airport operation, the parking zones are divided and sequentially numbered 1 and 2 with the details as follows:

Khu vực sân đỗ Zone	1 (tương ứng khu vực sân đỗ nhà ga T2, VIP và 1 phần sân đỗ nhà ga T1) 1 (corresponding Terminal T2's apron, VIP apron and a portion of Terminal T1's apron)	2 (tương ứng 1 phần khu vực sân đỗ nhà ga T1, ga hàng hóa, hangar và khu vực sân đỗ phía Đông) 2 (corresponding a portion of Terminal T1's apron, cargo Apron, hangar and the East apron)
Các vị trí đỗ Aircraft stands	**Gồm 50 vị trí đỗ (từ vị trí đỗ 2 đến vị trí đỗ 45)** **Including 50 stands (From stand 2 to 45)**	Gồm 45 vị trí đỗ (từ vị trí đỗ 46 đến vị trí đỗ 86) Including 45 stands (From stand 46 to 86)

- **Đường CHC được mã hoá như sau**: Đường CHC 11L/29R được đặt là A (đường CHC dành cho hạ cánh), đường CHC 11R/29L được đặt là B (đường CHC dành cho khởi hành).

- **RWY is code as follows:** RWY 11L/29R is named as A (landing RWY), RWY 11R/29L is named as B (departure RWY).

2.2.2 Nguyên tắc đặt tên STR bao gồm 03 thành tố:

2.2.2 Principle of naming STR consists of 3 components:

STATUS (DEP or ARR) + ZONE (1 or 2) + RUNWAY (A or B)

Ví dụ:

- **DEP** 1B**:** STR cho tàu bay khởi hành từ sân đỗ 1 lăn ra đường CHC 11R/29L để cất cánh.
- **ARR** 2A**:** STR cho tàu bay hạ cánh đường CHC 11L/29R, sau khi thoát ly đường CHC lăn về sân đỗ 2.

Example:

- **DEP** 1B**:** STR for aircraft taxiing from Zone 1 to RWY 11R/29L for departure.
- **ARR** 2A**:** STR for aircraft landing on RWY 11L/29R, after vacating RWY and taxi to Zone 2.

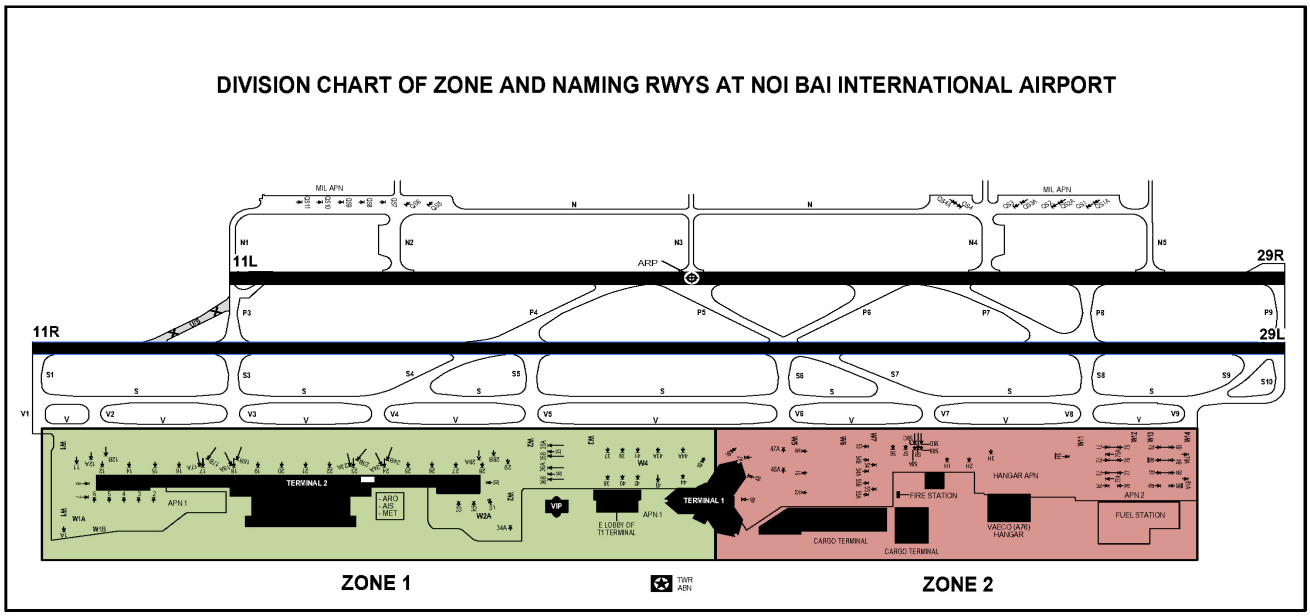

2.3 Phương thức khai thác STR

– Đường CHC sử dụng thông dụng nhất là đường CHC 11R dành cho cất cánh, đường CHC 11L dành cho hạ cánh. Trường hợp vì lý do thời tiết phải đổi hướng đường CHC khai thác thì đường CHC dành cho cất cánh là 29L, đường CHC dành cho hạ cánh là 29R.

– Trường hợp vì lý do khai thác không thể sử dụng STR đã công bố, KSVKL cấp huấn lệnh lăn cho tổ lái sử dụng tuyến lăn tiêu chuẩn khác hoặc liệt kê cụ thể tên các đường lăn (theo phương thức hiện hành).

– KSVKL cấp huấn lệnh cho tổ lái lăn theo STR một cách liền mạch từ vị trí đỗ/vị trí kết thúc kéo đẩy tới điểm dừng chờ lên đường CHC (đối với tàu bay khởi hành) hoặc từ khi tàu bay thoát ly đường CHC tới vị trí đỗ (đối với tàu bay đến); phân lập tuyến lăn ra, tuyến lăn vào cho tàu bay nhằm tránh nguy cơ va chạm giữa các tàu bay với nhau, giữa tàu bay với người, phương tiện trên mặt đất.

2.3 STR operational procedures

– RWY 11R is mainly used for departure, RWY11L is mainly used for landing. In case of weather conditions, requiring a change of RWY operation, RWY 29L is used for departure, RWY 29R is used for landing.

– In case the published STR cannot be used due to operational reasons, ATC issues the taxi clearances for the pilots by specifically listing the name of the TWYs (as current procedures).

– ATC issues clearances for the pilots to taxi follow the STR continuously from the apron to the holding point of the RWY (for departing aircraft) or since the aircraft vacate RWY to the apron (for arriving aircraft); separate between taxi-out and taxi-in routes to avoid the risk of collision between aircraft, between aircraft and personnel, vehicles on the ground.

– Tổ lái cần nắm rõ sơ đồ đường lăn, sân đỗ và xác định STR khi biết đường CHC sử dụng (đối với tàu bay khởi hành) và vị trí đỗ được chỉ định (đối với tàu bay đến). Khi có bất kỳ sự nghi ngờ hoặc chưa hiểu rõ nào trong quá trình lăn cần dừng lại ngay lập tức và thông báo cho KSVKL, khi đó KSVKL sẽ cấp huấn lệnh lăn cho tàu bay bằng cách liệt kê cụ thể tên các đường lăn (theo phương thức hiện hành).

– Tàu bay lăn ra khởi hành được quyền ưu tiên hơn tàu bay lăn về sân đỗ.

– Trường hợp KSVKL cần phải điều chỉnh lộ trình lăn của tàu bay hoặc do tổ lái đề nghị thì KSVKL hủy bỏ tuyến lăn đã cấp và cấp huấn lệnh lăn thay thế.

– Pilots require clearly understand the TWY, APDC charts and determine the STR based on the runway-in-use (for departing aircraft) and the assigned stand (for arriving aircraft). When there is any suspicion or lack of understanding during taxiing, pilot shall immediately stop and notify the ATC. At that time, ATC will issue taxi clearances for the aircraft by specifically listing the name of TWYs (as current procedure).

– Aircraft taxiing out for departure have priority over aircraft taxiing into the apron.

– In case ATC needs to adjust the taxi route of aircraft or upon requested by pilots, ATC will cancel the issued STR and issue a replacement taxi clearance.

2.4 Mô tả lộ trình STR

Ghi chú: Để cung cấp thông tin cho tổ lái về việc lăn ra hoặc lăn vào sân đỗ qua đường lăn V nào trong tuyến lăn tiêu chuẩn, KSVKL sẽ ấn định ngay đường lăn ra (Exit Vx) hoặc đường lăn vào (Entry Vx) khi cấp huấn lệnh cho tổ lái.

2.4 Description of STR

Note: In order to provide information to the pilots using of TWY V for taxi out/in the parking Zone, ATC will immediately assign an exit TWY (Exit Vx) or an entry TWY (Entry Vx) when issuing clearances to the pilots.

2.4.1 Lộ trình STR khi sử dụng đường CHC 11R hoặc 29L cho cất cánh

2.4.1 STR in used when RWY 11R or 29L for take-off

Route Ident	Start Point	Routing via	End Point	
DEP 1B	Apron area 1 (Zone 1)	Taxi via TWY V, exit **TWY V1** or TWY V2/V3/V4/V5, then TWY S, continue taxi to holding point: a) RWY 11R via TWY S1 b) RWY 29L via TWY S9	RWY 11R or 29L	Figure 1
DEP 2B	Apron area 2 (Zone 2)	Taxi via TWY V, exit TWY V6 or TWY V7/V8/V9, then TWY S, continue taxi to holding point: a) RWY 11R via TWY S1 b) RWY 29L via TWY S9	RWY 11R or 29L	Figure 2

Figure 1

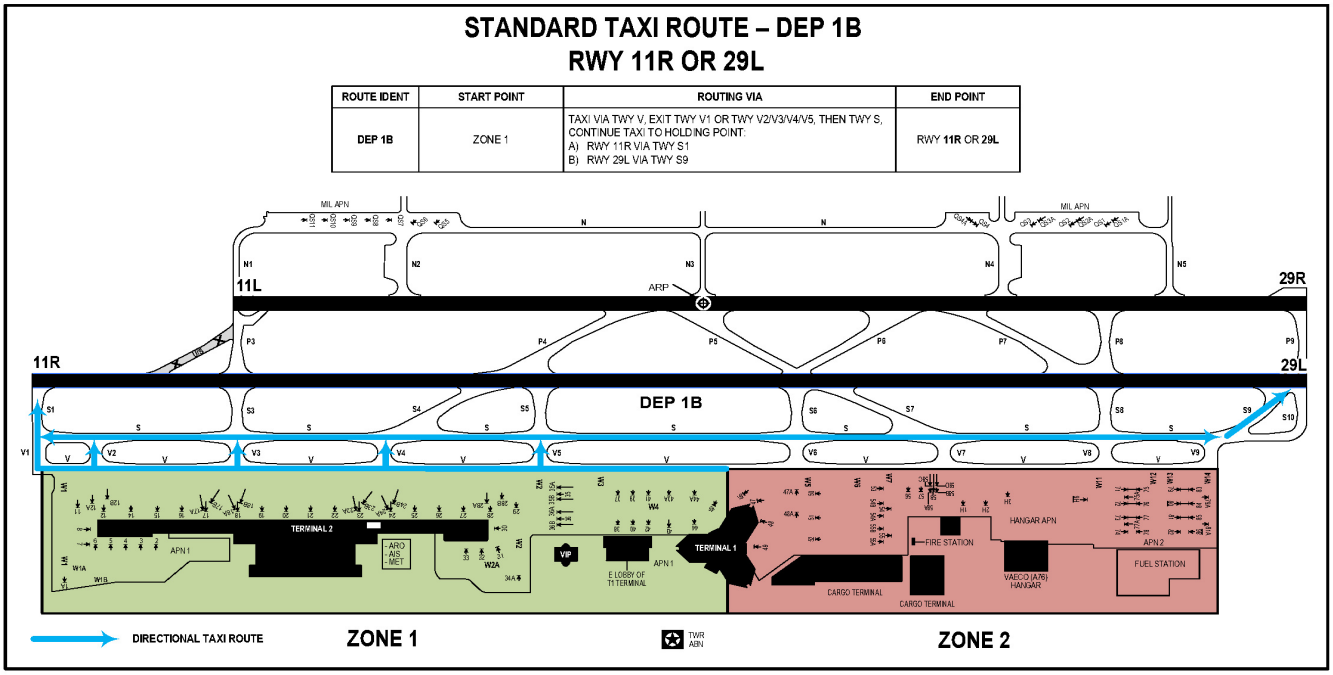

Figure 2

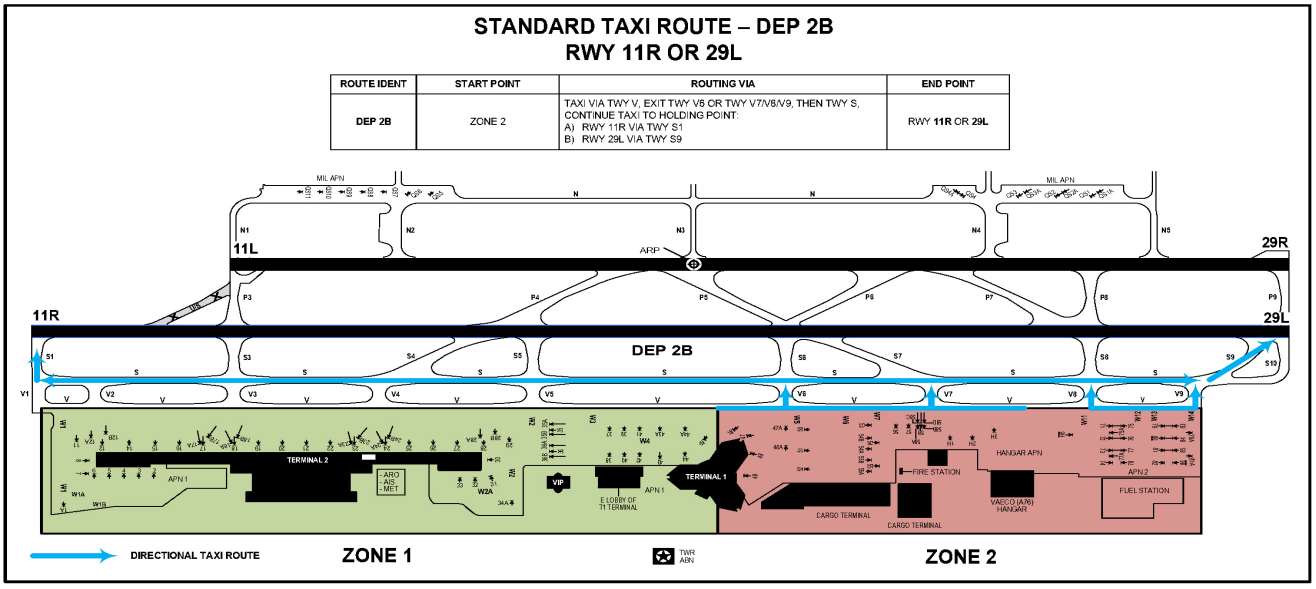

2.4.2 Lộ trình STR khi sử dụng đường CHC 11L hoặc 29R cho hạ cánh

2.4.2 STR in used when RWY 11L or 29R for landing

Route Ident	*Start Point*	*Routing via*	*End Point*	
ARR 1A	Landing and cross RWY 11R/29L (from TWY S3 or TWY S4/ S5/S6/S7/S8/S9)	Taxi via TWY S, continue taxi to Zone 1 via **TWY V1**, V2 or TWY V3/V4/V5, TWY V.	ZONE 1	Figure 3
ARR 2A	Landing and cross RWY 11R/29L (from TWY S3 or TWY S4/ S5/S6/S7/S8/S9)	Taxi via TWY S, continue taxi to Zone 2 via TWY V6 or TWY V7/V8/V9, TWY V.	ZONE 2	Figure 4

Figure 3

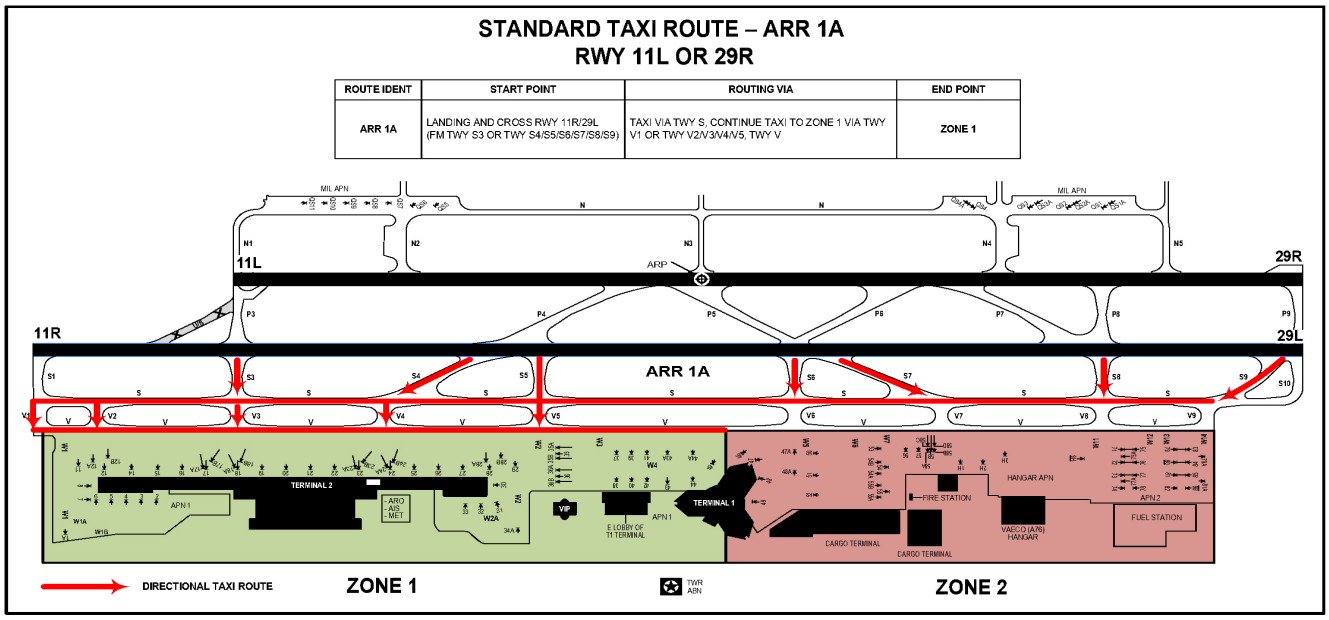

Figure 4

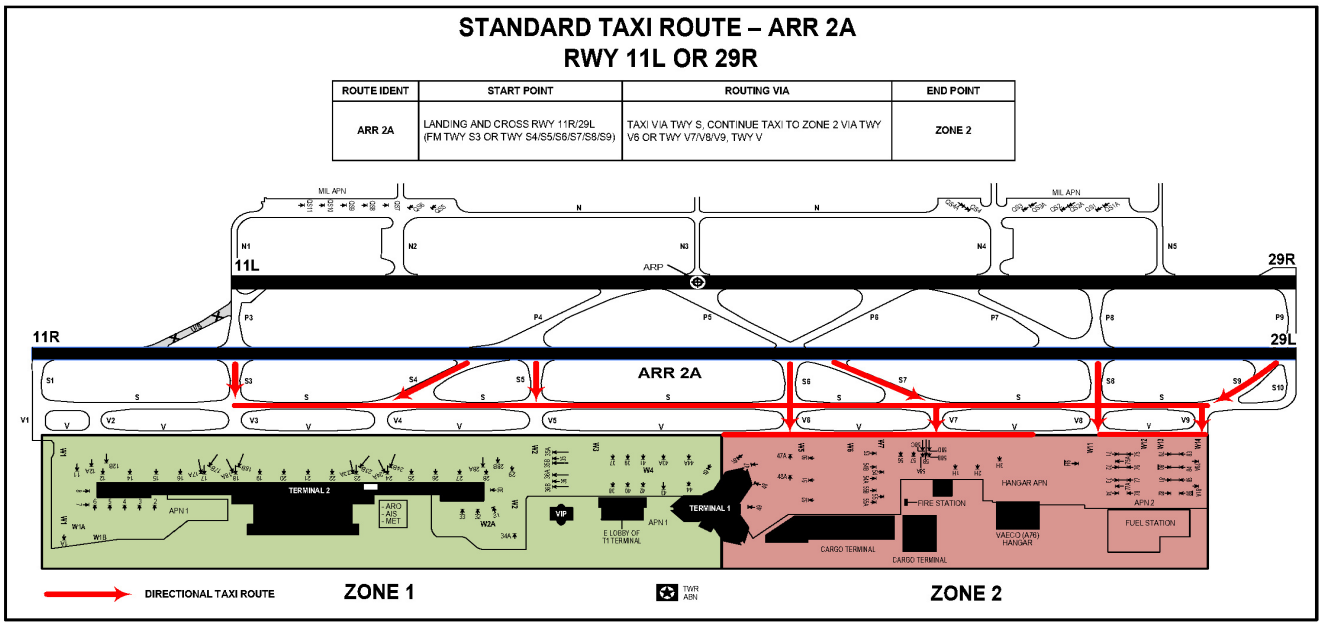

2.5 Thuật ngữ sử dụng

2.5.1 Đối với tàu bay khởi hành

– Khi chấp thuận cho kéo đẩy:

(Aircraft callsign) pushback approved to face [direction], ***exit Vx***

Ghi chú: Bổ sung thêm cụm từ "exit Vx" để hướng dẫn tàu bay lăn ra từ khu vực sân đỗ qua đường lăn V nào.

Ví dụ: HVN123, pushback approved to face [direction], exit V3.

– Khi cấp huấn lệnh lăn:

(Aircraft callsign) TAXI TO HOLDING POINT RUNWAY (number) VIA ***STR name****.*

Ví dụ: Tàu bay ở vị trí đỗ 20 thuộc khu vực sân đỗ 1 lăn tới điểm chờ lên đường CHC 11R để khởi hành.

GCU: HVN123, TAXI TO HOLDING POINT RUNWAY 11R VIA **DEP 1B**.

2.5.2 Đối với tàu bay đến

TWR:	*(Aircraft callsign), vacate Runway via (taxiway), (cross runway (number)) to taxiway (number), contact Ground 121.9 MHz.*
GCU:	*(Aircraft callsign) TAXI TO STAND (number) VIA* ***STR name, entry Vx***

Ghi chú: Bổ sung thêm cụm từ "exit Vx" để hướng dẫn tàu bay lăn ra từ khu vực sân đỗ qua đường lăn V nào.

Ví dụ: Tàu bay thoát ly đường CHC 11L qua đường lăn P8, cắt qua đường CHC 11R qua S8, lăn theo S, V5, V về vị trí đỗ 37.

TWR: HVN236 Vacate Runway via P8, cross runway 11R to S8, contact Ground 121.9 MHz.

GCU: TAXI TO STAND 36 VIA ***ARR 1A, entry V7***

2.5 Phraseologies

2.5.1 For departures

– When push-back approved:

Note: Add phrase "exit Vx" to navigate which TWY on V that aircraft taxiing out from apron area.

Example: HVN123, pushback approved to face [direction], exit V3.

– When issuing taxi clearance:

Example: Aircraft at stands 20 belongs to Zone 1 taxiing to the holding point of RWY 11R for departure.

2.5.2 For arrivals

Note: Add phrase "exit Vx" to navigate which TWY V aircraft taxiing out from Zone.

Example: Aircraft vacate RWY 11L via TWY P8, cross RWY 11R to S8, taxi via S, V5, V to stand 37.

2.5.3 Thay đổi hoặc hủy bỏ STR

Khi đã cấp tuyến lăn tiêu chuẩn, trong quá trình lăn vì lí do không lưu dẫn tới việc phải thay đổi hoặc hủy bỏ tuyến lăn tiêu chuẩn đã cấp thì KSVKL phải hủy bỏ tuyến lăn đã cấp và cấp huấn lệnh lăn mới theo các đường lăn cụ thể khác.

2.5.3 Change or cancellation of STR

Upon issuance of STR, when taxiing due to air traffic reasons resulting in the change or cancellation of the issued STR, ATC shall cancel the issued STR and issue a new taxi clearances using specified different TWYs.

*(Aircraft callsign) CANCEL **STR name**, TAXI VIA (specific taxiway).*

Ví dụ: Tàu bay đang lăn theo tuyến lăn tiêu chuẩn DEP 1B để khởi hành đường CHC 11R (taxi out via V3) thì phát sinh tình huống. KSVKL GCU chủ động hủy bỏ huấn lệnh lăn theo tuyến lăn tiêu chuẩn cho tàu bay và cấp cho tàu bay huấn lệnh lăn theo lộ trình khác.

Example: Aircraft are taxiing via STR DEP 1B for departure RWY 11R (taxi out via V3) when a problem arises. GCU proactive cancels the clearance following STR and issues a new taxi clearance using another TWY.

*GCU ATC: HVN123 CANCEL **DEP 1B**, TAXI VIA (TAXIWAY) V, V5, S, S1 TO HOLDING POINT RWY 11R.*

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 0000 ngày 27/11/2025.

3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 0000 on 27 NOV 2025.

4 HUỶ BỎ

Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến tập bổ sung AIP này sẽ được thông báo bằng NOTAM.

Tập bổ sung AIP này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

- HẾT -

4 CANCELLATION

Any change relating to this AIP Supplement shall be notified by NOTAM.

This AIP Supplement shall remain in force until its content has been incorporated into AIP Viet Nam

- END -